

## ENGLISH 9 - REPORTED SPEECH

### I. Lý thuyết chung

1. Khi chuyển một câu từ trực tiếp sang gián tiếp cần thay đổi những thành phần cơ bản sau:

a. Thì của động từ:

Thì của các động từ trong lời nói gián tiếp thay đổi theo một nguyên tắc chung là lùi về quá khứ (Note: nếu động từ dẫn ở câu gián tiếp là thì hiện tại thì thì của động từ trong câu gián tiếp không thay đổi so với câu trực tiếp)

Thì trong Lời nói trực tiếp	Thì trong Lời nói gián tiếp
Hiện tại đơn ( S + Vs/es )	Quá khứ đơn S + V <sub>qk</sub>
Hiện tại tiếp diễn ( S + is/am/are + V_ing )	Quá khứ tiếp diễn ( S + was/were + V_ing )
Hiện tại hoàn thành ( S + has/ have + PII )	Quá khứ hoàn thành ( S + had + PII )
Quá khứ đơn S + V <sub>qk</sub>	Quá khứ hoàn thành ( S + had + PII )
Is/am/are going to do	Was/were going to do
Can/may/must do	Could/might/had to do
Must	Had to

Will	Would
------	-------

b. Thay đổi trạng từ chỉ thời gian và nơi chốn (Nếu có)

Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp
This	That	Tomorrow	The next day / the following day
These	Those	Yesterday	The day before / the previous day
Here	There	Last + danh từ thời gian Ex: Last week	The previous + danh từ thời gian/ the + danh từ thời gian + before → The previous week/ the week before
Now	Then	Next + danh từ thời gian Ex: Next week	The following/ The next + danh từ thời gian → The following/ the next week
Today	That day		
Ago	Before		

c. Thay đổi các đại từ nhân xưng, tính từ sở hữu..... (Nếu có)

Đại từ nhân xưng (Chủ ngữ)	Tân ngữ	Tính từ sở hữu	Đại từ sở hữu

I → he/she We → they You → I/ we, he, she	me → him/ her us → them you → me/ him/ her	my → his/ her our → their your → my	mine → his/ her ours → theirs yours → mine
---	---	---	---

2. Chuyển câu từ trực tiếp sang gián tiếp có thể chia thành 3 nhóm cơ bản như sau:

a. Câu trần thuật:

b. Câu hỏi:

\* **Yes/ No questions:**

=> *Gián tiếp:* S + asked/ wanted to know... + if/ whether + S+ V (lùi 1 thì so với câu trực tiếp)

\* **Wh- questions:**

=> *Gián tiếp:* S + asked/ wanted to know... + Wh- word + S+ V (lùi 1 thì so với câu trực tiếp)

c. Một số cấu trúc đi với to V/ Ving:

\* Một số cấu trúc đi với to V:

Câu trực tiếp	Câu gián tiếp
Câu mệnh lệnh, đề nghị	S + asked/ told/ ordered (sbd) + (not) to V
Câu mời (Would you like.....?)	S + invited/ offered (sbd) + to V
Lời khuyên (should/ had better/ If I were you.../ Why don't you)	S + advised (sbd) + (not) to V
Lời hứa	S + promised + (not) to V

.....

\* Một số cấu trúc đi với Ving:

Congartulated.....on

Apologised for

Accused .....of

Dreamed of

Thanked.....for

Insisted on

Looked forward to

Admitted

Suggested

Think of

Denied

Prevented.....from

Stop .....from

Warn .....against

+ V\_ing

## II. Hướng dẫn học sinh cách làm bài tập trắc nghiệm

### 1. Nhận biết đáp án sai và loại trực tiếp:

#### a. Dựa vào thì của động từ:

- nếu nhận biết được đó là 1 câu gián tiếp mà có đáp án liên quan tới thì hiện tại (hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành) hoặc tương lai (tương lai đơn, tương lai gần) thì sẽ loại trực tiếp đáp án đó.

- nếu đó là 1 câu hỏi thì có thể loại trực tiếp những đáp án có trợ động từ đảo lên trước chủ ngữ.

**Ex: I said to Nick: "Where are you going?"**

- A. I asked Nick where was he going.      **B. I asked Nick where he was going.**  
C. I asked Nick where is he going.      D. I asked Nick where he is going.

**Phân tích:** đây là câu hỏi chuyển sang gián tiếp nên có thể loại trực tiếp đáp án A, C, D do đã đảo trợ động từ lên trước chủ ngữ (A, C) và sử dụng thì động từ không phù hợp (D).

b. *Dựa vào trạng từ:* nếu có những đáp án không phù hợp về trạng từ thì cũng loại trực tiếp (trong câu gián tiếp không thể có các trạng từ như: today, yesterday, tomorrow, here, now, last.....)

**Ex: "I wrote to him yesterday"**

- a. She said to me I wrote to him the day before.  
b. She told me she wrote to him yesterday.  
c. She told me she had written to him yesterday.  
**d. She told me she had written to him the day before.**

**Phân tích:** câu này có thể loại trực tiếp đáp án b, c do sử dụng trạng từ *yesterday* trong câu gián tiếp là không phù hợp.

c. *Dựa vào 1 số cấu trúc cố định:* 1 số cấu trúc đi với to V/ Ving

**Ex: Jamei: "Don't eat so much junk food!"**

- a. Jamei reminded me not to eat so much junk food**      b. Jamei asked me to not eat so much junk food  
c. Jamei reminded me not to ate so much junk food      d. Jamei says me not to eat so much junk food

**Phân tích:** câu này có thể loại trực tiếp đáp án b, c do không đúng cấu trúc (reminded/ asked sbd not to V).

**2. Với những đáp án có thể đúng còn lại, học sinh tiếp tục xem xét và loại trừ dần để chọn ra đáp án đúng nhất.**